

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
CHƯƠNG TRÌNH KHCN CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020
KHCN-TN/16-20**

**“Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên
trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế”**

(Chương trình Tây Nguyên 2016-2020)

**BÁO CÁO TÓM TẮT
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP QUỐC GIA**

TÊN ĐỀ TÀI:

**BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ VÙNG TÂY
NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ MỚI**

Mã số: TN17/X04

**Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Vũ Tuấn Hưng
Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu Châu Âu
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

HÀ NỘI – 2020

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
CHƯƠNG TRÌNH KHCN CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020
KHCN-TN/16-20**

**“Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên
trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế”**

(Chương trình Tây Nguyên 2016-2020)

**BÁO CÁO TÓM TẮT
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP QUỐC GIA**

TÊN ĐỀ TÀI:

**BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ VÙNG
TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ MỚI**

Mã số: TN17/X04

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHÂU ÂU
VIỆN TRƯỞNG**

PGS.TS.VŨ TUẤN HƯNG



PGS.TS.NGUYỄN CHIẾN THẮNG

HÀ NỘI – 2020

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết đề tài

1. Tài sản trí tuệ là khái niệm được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh doanh, đầu tư, quản trị... Tuy có nhiều cách tiếp cận khác nhau nhưng tài sản trí tuệ được hiểu là tài sản vô hình có khả năng tạo ra giá trị cho doanh nghiệp, tài sản này được tạo ra bởi kết quả của hoạt động sáng tạo. Từ khái niệm này, có thể thấy ***khái niệm về tài sản trí tuệ vùng*** “là tài sản vô hình dưới dạng tri thức do con người tạo ra thông qua hoạt động sáng tạo có mối liên hệ chặt chẽ với điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội và con người của một khu vực hoặc vùng địa lý xác định, có khả năng ứng dụng và tạo ra giá trị từ việc sử dụng tri thức đó”. Khái niệm trên cho thấy, tài sản trí tuệ của mỗi vùng có mối liên hệ chặt chẽ với điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội và con người của vùng địa lý xác định. Những tài sản này, có thể là tài sản chung của cả khu vực địa lý hoặc một cộng đồng người, đang trở thành hàng hóa quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương (George 2010; WIPOa, 1999). Các loại tài sản trí tuệ của địa phương rất đa dạng, từ những tên gọi gắn với địa danh hoặc gắn với các nguồn tài nguyên tự nhiên bản địa hay những sản phẩm và tri thức truyền thống gắn liền với nền văn hóa lâu đời và là đặc thù riêng có của khu vực. Những tài sản trí tuệ này đang dần trở thành một yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển của địa phương đồng thời tạo nên điểm khác biệt và dấu hiệu nhận biết của địa phương đó trên bình diện vùng, khu vực hay quốc tế. Tây Nguyên là khu vực có rất nhiều lợi thế trong phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Nhiều nghiên cứu trước đó đã chứng minh Tây Nguyên là vùng đất “mang tính đặc thù”. Tính đặc thù này thể hiện cả trong bản sắc văn hoá, dân tộc, hệ sinh thái, tài nguyên, con người, vị trí địa chính trị, kinh tế, nhiều tiềm năng chưa được khai thác và bảo tồn, trong đó có tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên. Cho đến nay, khoảng trống của các nghiên cứu về lý luận và thực tiễn bảo tồn và phát triển các vấn đề mới được đặt ra cần phải được nghiên cứu chuyên sâu cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Việc nghiên cứu bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập mới được phân tích, đánh giá dưới góc độ nhìn nhận vai trò của các tài sản trí tuệ là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy cho sự phát triển bền vững của cộng đồng dân cư các đồng bào dân tộc thiểu số của Tây Nguyên cũng như trong mối quan hệ biện chứng giữa bảo tồn và phát triển, phát triển nhằm bảo tồn, và bảo tồn để phát triển.

Do đó, đề tài “***Bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới***”, trong khuôn khổ Chương trình Tây Nguyên giai đoạn 2016-2020 thuộc chương trình nghiên cứu “*Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế*”, có tính cấp thiết cả về cơ sở khoa học lẫn thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu

Từ các công trình nghiên cứu trên đây, có thể rút ra một số nhận xét như sau: Cả nghiên cứu trong và ngoài nước đều đề cập khá sâu sắc, cụ thể nhưng về những vấn đề của quốc gia, lãnh thổ khác, hoặc trong nước thì đề cập ở vùng khác, chưa chính thể. Vì lẽ đó, khoảng trống nghiên cứu của nhóm nghiên cứu là việc phân tích những khung lý thuyết, nêu rõ thực trạng, phân tích ưu nhược và đánh giá nguyên nhân, từ đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu:

3.1.1. Mục tiêu tổng quát:

Nghiên cứu thực trạng và đề xuất có luận cứ khoa học phương hướng và giải pháp bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới

3.1.2. Mục tiêu cụ thể:

1. Xác định rõ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ;
2. Phân tích thực trạng bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới; Đánh giá kết quả tích cực, hạn chế và nguyên nhân.

3. Đề xuất phương hướng và giải pháp chính sách nhằm bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Nghiên cứu và đề xuất có luận cứ khoa học và thực tiễn về tài sản trí tuệ; phương hướng bảo tồn và phát triển các tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới;

- Khảo sát, điều tra thực trạng *bảo tồn và phát triển* về tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên để xây dựng cơ sở dữ liệu đánh giá và xác định mức độ, quy mô, cách thức bảo tồn và phát triển các lĩnh vực này, các rào cản, hạn chế về vấn đề nêu trên ở Tây Nguyên trong thời gian qua;

- Phân tích các lợi thế và khó khăn, phân tích các tiềm năng và thực tiễn bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên, vai trò của doanh nghiệp và các chủ thể khác trong việc khai thác, bảo tồn và phát triển các tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên;

- Tìm hiểu, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh mới;

- Tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, khảo sát trong nước để *làm rõ mục tiêu nghiên cứu* đề ra, làm cơ sở đưa ra những kiến nghị chính sách, biện pháp hiệu quả nhất để bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới;

- Đưa ra hệ thống giải pháp và các kiến nghị nhằm xác định các cơ chế, chính sách, các biện pháp hỗ trợ bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập mới giai đoạn tới năm 2030.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận:

Để đạt được mục tiêu và hoàn thành nhiệm vụ đặt ra, đề tài áp dụng phối hợp nhiều cách tiếp cận khác nhau, bao gồm cả cách tiếp cận định tính và cách tiếp cận định lượng. Trong tiếp cận định tính, đề tài chủ yếu dựa vào cách tiếp cận của khoa học tổng hợp liên ngành, trong đó tập trung vào cách tiếp cận kinh tế học, kinh tế quốc tế, tiếp cận luật học, xã hội học, khu vực học, văn hoá học,

dân tộc học kết hợp với cách tiếp cận lịch sử, cách tiếp cận địa - chính trị và địa - kinh tế, cách tiếp cận thực tiễn và cập nhật....

- Đề tài sẽ phải trải qua các công đoạn thực hiện chủ yếu như sau:

Thứ nhất, sưu tầm, lựa chọn các tài liệu có liên quan trực tiếp đến chủ đề nghiên cứu ở trong và ngoài nước.

Thứ hai, gặp gỡ và trao đổi với người dân về chủ đề nghiên cứu thông qua điều tra khảo sát bằng bảng hỏi và tham vấn người chịu trách nhiệm quản lý buôn làng, người cao tuổi thuộc nhóm các dân tộc thiểu số tại chỗ.

Thứ ba, gặp gỡ, trao đổi với các học giả và các nhà hoạt động thực tiễn cả trong và ngoài nước trong các lĩnh vực liên quan, tiến hành các cuộc hội thảo, tọa đàm khoa học.

Thứ tư, xử lý tài liệu, đánh giá và phân tích, rút ra những kết luận khoa học về bản chất, nguyên nhân, tác động của vấn đề nghiên cứu, từ đó rút ra kiến nghị chính sách.

4.2. Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

Phương pháp nghiên cứu được áp dụng là kết hợp nghiên cứu tài liệu thứ cấp với khảo sát thực tế, điều tra phỏng vấn nhằm thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài.

Đề tài sẽ vận dụng một cách xuyên suốt các phương pháp tư duy duy vật lịch sử và biện chứng trong nghiên cứu, phân tích về tài sản trí tuệ. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật chủ yếu sẽ là phương pháp phân tích, thống kê, mô tả, nghiên cứu nhân - quả định tính, nghiên cứu so sánh, nghiên cứu trường hợp, kết hợp khảo sát thực tế, điều tra xã hội học và phương pháp dự báo.... Đồng thời, trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu, công trình này sẽ bổ sung, phát triển những luận cứ khoa học và thực tiễn mới nhằm thực hiện tốt những mục tiêu nghiên cứu đặt ra.

Phạm vi nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu

- *Phạm vi nghiên cứu*

+ *Địa bàn nghiên cứu:*

Cấp tỉnh: 5 tỉnh Tây Nguyên gồm các tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai,

Kon Tum và Lâm Đồng.

Cấp huyện/thành phố thuộc tỉnh: các thành phố Buôn Ma Thuột, Pleiku, Kon Tum, Đà Lạt, thị xã Gia Nghĩa, và một số huyện.

Cấp xã và thôn, buôn trên địa bàn nêu trên.

- *Phương pháp chọn mẫu*

+ *Tiêu chí chọn mẫu:*

- 1) *Đơn vị hành chính lãnh thổ:* Chọn mẫu huyện, xã – buôn làng – thôn bản
- 2) *Dân tộc:* căn cứ vào tổng số dân tộc tại địa bàn nghiên cứu so với tổng dân số của địa bàn nghiên cứu sẽ lựa chọn mẫu phỏng vấn bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu, tập trung vào nhóm dân tộc thiểu số
- 3) *Khu vực cư trú:* nông thôn.
- 4) *Vị thế xã hội của người cung cấp thông tin:* Cán bộ làm việc tại cơ quan quản lý các cấp; Đại diện cho các doanh nghiệp; Các nhóm cư dân; Các nhà khoa học/giảng viên các trường đại học/hoặc giáo viên các trường học
- 5) *Loại hình tổ chức:* dự kiến chia theo các nhóm như sau: 1) Khối chính quyền/thuộc chính quyền; 2) Khối doanh nghiệp; 3) Các trường đại học/trường học

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp:* còn gọi là phân tích và tổng hợp, được sử dụng để thu thập, phân tích và khai thác thông tin từ các nguồn có sẵn liên quan đến đề tài nghiên cứu, bao gồm các công trình nghiên cứu, các báo cáo, các số liệu thống kê của chính quyền, doanh nghiệp, các cá nhân liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến tài sản trí tuệ của 5 tỉnh của vùng Tây Nguyên.

- *Phương pháp so sánh, đối chiếu:* Phương pháp này được dùng liên tục trong quá trình phân tích tư liệu cũng như xây dựng nghiên cứu, chuẩn bị báo cáo.

- *Phương pháp nghiên cứu định tính:*

+ *Phỏng vấn sâu:*

+ *Thảo luận nhóm tập trung:*

- *Phương pháp định lượng:*

Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi

+ *Phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp*

5. Nội dung và kết cấu nghiên cứu của đề tài

Ngoài các phần chung, đề tài được kết cấu gồm 4 chương chủ yếu sau:

Chương 1. Khung lý thuyết về bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ

Chương 2. Một số nhân tố và tiềm năng bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên

Chương 3. Thực trạng bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên

Chương 4. Quan điểm, giải pháp và kiến nghị về bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới.

Chương 1. KHUNG LÝ THUYẾT VỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Phần này tập trung phân tích khung lý luận nhằm xác định có luận cứ khoa học về nội hàm khái niệm tài sản trí tuệ, bộ tiêu chí đánh giá xác định về tài sản trí tuệ, đồng thời xác định cơ sở thực tiễn cho việc bảo tồn và phát triển về tài sản trí tuệ của địa phương, các vấn đề bảo tồn, phương thức bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ...

1.1. Cơ sở khoa học xác định tài sản trí tuệ

1.1.1. Khái niệm tài sản trí tuệ dưới góc độ tiếp cận của pháp luật

1.1.1.1. Pháp luật quốc tế

Tài sản trí tuệ - một loại tài sản trí tuệ đặc biệt đã được thừa nhận trong cả thực tiễn lẫn pháp luật của các quốc gia. Mặc dù vậy, mãi đến thế kỷ 19, thuật ngữ “sở hữu trí tuệ” hay “tài sản trí tuệ” (*được sử dụng trong tiếng Anh là Intellectual Property – IP hay Intellectual Assets - IA*) mới bắt đầu được sử dụng và mãi đến cuối thế kỷ 20 nó mới trở nên phổ biến ở phần lớn thế giới.

1.1.1.2. Pháp luật Việt Nam

Với quy định này cho thấy ở góc độ kinh tế trong pháp luật Việt Nam, TSTT được tiếp cận với nghĩa hẹp, chỉ là các quyền sở hữu trí tuệ – loại quyền phát sinh đối với các kết quả sáng tạo trí tuệ của con người được ghi nhận trong pháp luật sở hữu trí tuệ.

Tài sản trí tuệ địa phương:

Trong các loại TSTT, có những TSTT gắn liền với một cộng đồng, một khu vực nhất định, có khả năng đem lại các giá trị/lợi ích đối với cộng đồng đó, khu vực đó và thường được gọi với khái niệm “*tài sản trí tuệ địa phương*” (*Local Intellectual Assets*). Nhất là khi giao thương giữa các khu vực diễn ra phổ biến hơn, tài sản trí tuệ địa phương sẽ trở thành công cụ tạo lợi thế cạnh tranh mạnh của các vùng, miền, khu vực.

1.1.4. Đặc trưng và phân loại tài sản trí tuệ

1.1.4.1. Đặc trưng

TSTT có những đặc điểm khác biệt với các loại tài sản khác. Điều này

quyết định nhiều điểm khác biệt trong quản trị loại tài sản này¹.

- 1) *Đặc tính vô hình*
- 2) *Tính phi cạnh tranh trong tiêu dùng*
- 3) *Có khả năng lan truyền nhanh chóng và vô tận*
- 4) *Khả năng hao mòn vô hình hay khả năng phát triển giá trị ngược của TSTT thông qua việc sử dụng*
- 5) *Dễ bị sao chép, bắt chước*
- 6) *Có thể bị giới hạn bởi các quyền sở hữu trí tuệ*

Quyền SHTT có thể được hiểu là quyền được pháp luật thừa nhận và bảo hộ đối với các thành quả lao động sáng tạo trí tuệ dành cho người đã đầu tư tạo ra các thành quả đó.

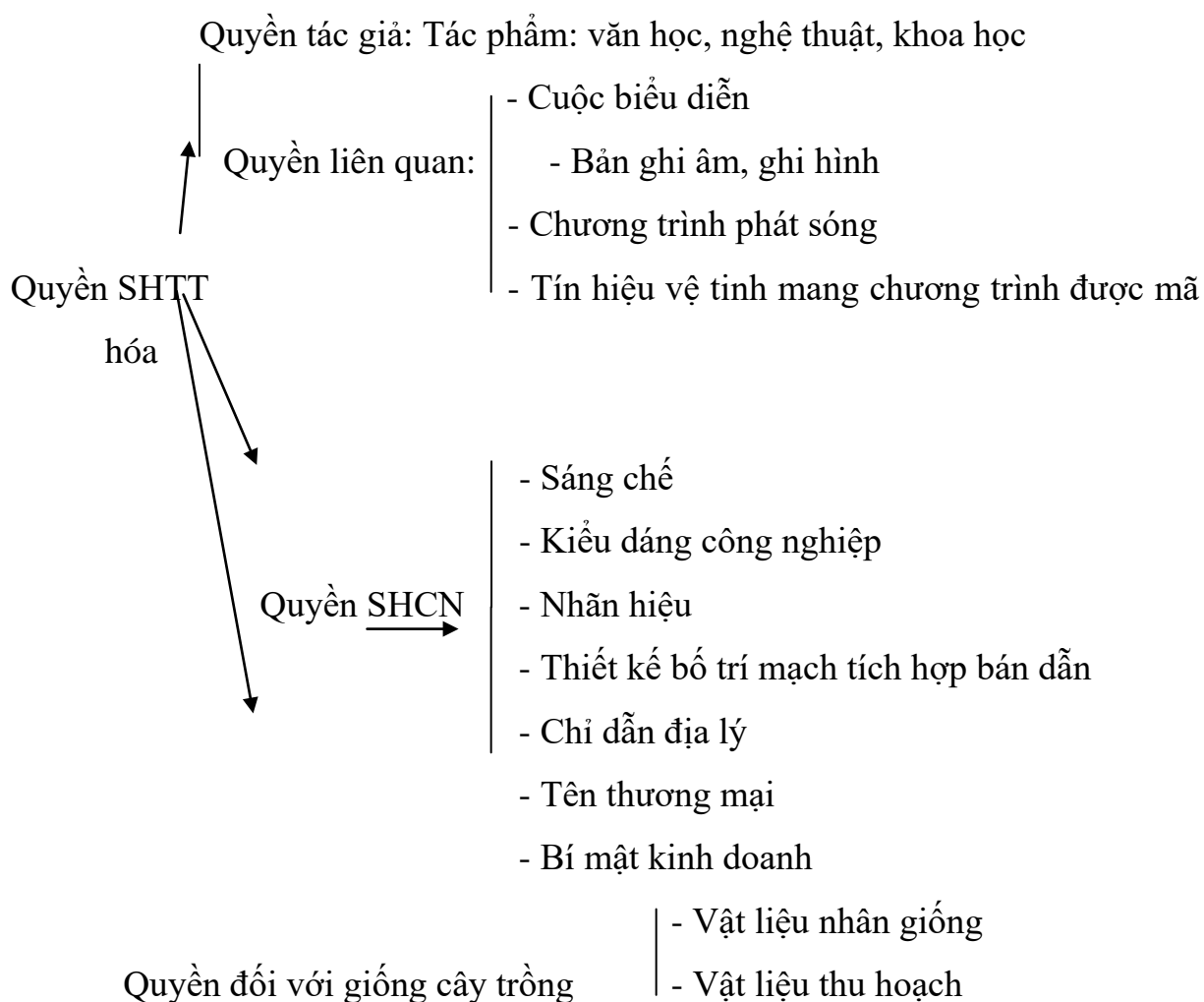
1.1.4.2. Phân loại

- *Các sản phẩm sáng tạo khoa học kỹ thuật,*
- *Các sản phẩm sáng tạo văn học, nghệ thuật,*
- *Các sản phẩm sáng tạo trong hoạt động kinh doanh, thương mại*

Pháp luật SHTT phân chia tài sản trí tuệ thành 3 nhóm: *quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.* Cụ thể đối tượng của quyền SHTT bao gồm các đối tượng của các quyền này, có thể được thể hiện qua sơ đồ sau:

¹ Sẽ trình bày cụ thể trong mục 1.3 sau đây

Hình 3. Các đối tượng của quyền SHTT



1.2. Cơ sở khoa học về bảo tồn và phát triển về tài sản trí tuệ

1.2.1. Khái niệm, đặc trưng và mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ

1.2.1.1. Về bảo tồn TSTT

Bảo tồn thường được hiểu là hành động bảo vệ, duy trì, gìn giữ những gì còn tồn tại trong lịch sử, thường được gắn với các tài sản chung có ý nghĩa lịch sử như: *bảo tồn di tích lịch sử, bảo tồn nền văn hoá dân tộc, bảo tồn động vật quý hiếm, bảo tồn đa dạng sinh học, ...*

1.2.1.1. Về phát triển TSTT

Theo quan điểm siêu hình: *Phát triển chỉ là sự tăng, giảm thuần túy về lượng, không có sự thay đổi về chất của sự vật, đồng thời phát triển là quá trình tiến lên liên tục, không trải qua những bước quanh co phức tạp.* Phép biện chứng duy vật cho rằng: *Phát triển là sự vận động theo hướng đi lên, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện của sự vật.*

1.2.2. Phương thức quản lý trong việc bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ

1.3. Các tiêu chí tiếp cận về tài sản trí tuệ vùng

1.3.1. Mô hình tiếp cận bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ

1.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo tồn và phát triển TSTT, nhưng nhìn chung có thể chia thành hai nhóm yếu tố chủ yếu, đó là nhóm yếu tố bên ngoài tổ chức và nhóm yếu tố bên trong tổ chức.

a) Nhóm yếu tố bên ngoài tổ chức

b) Nhóm yếu tố bên trong tổ chức

1.3.4. Cơ sở lý thuyết về bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ

Cơ sở lý thuyết đề tài sử dụng để áp dụng trong bảo tồn và phát triển TSTT Tây Nguyên dựa trên 5 lý thuyết chủ đạo: **1) Lý thuyết khoa học quản lý** (đối tượng và phương pháp quản lý), **2) Lý thuyết hệ thống** (tiếp cận vùng và liên vùng), **3) Lý thuyết kinh tế học về chuỗi giá trị**, **4) Lý thuyết phát triển bền vững** (đảm bảo cân bằng phát triển kinh tế - xã hội – môi trường trong hiện tại và tương lai) và **5) Lý thuyết quản trị tài sản trí tuệ**

1.4. Kinh nghiệm về bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ ở Pháp và Nhật Bản

1.4.1. Kinh nghiệm tại Pháp

1.4.2. Kinh nghiệm tại Nhật Bản

1.4.3. Một số hàm ý cho Việt Nam

Cách mà Nhật Bản hồi sinh và thúc đẩy sự phát triển kinh tế thông qua đổi mới sáng tạo, với sự hỗ trợ của hệ thống bảo vệ tài sản trí tuệ là một minh họa

điển hình cho các nhà hoạch định chính sách cũng như các bên liên quan ở nhiều quốc gia khác nhau. Qua nghiên cứu mô hình của Pháp và Nhật bản, dưới đây là đề xuất một số bài học kinh nghiệm hữu ích cho Việt Nam:

Chương 2. MỘT SỐ NHÂN TỐ VÀ TIỀM NĂNG BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ VÙNG TÂY NGUYÊN

2.1. Một số nhân tố trong bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên

Có thể nhận thấy các nhân tố về kinh tế-xã hội-môi trường sẽ tác động tới quá trình bảo tồn và phát triển TSTT ở Tây Nguyên. Các nhân tố tác động tới quá trình bảo tồn và phát triển TSTT ở Tây Nguyên bao gồm: (i) chủ trương, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước; (ii) điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; (iii) đặc điểm văn hóa, giá trị truyền thống; (iv) Dân số và chất lượng nguồn nhân lực; (v) hoạt động hợp tác quốc tế, phát triển liên vùng và (vi) một số các nhân tố khác.

2.2. Tiềm năng bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên

2.2.1. Điều kiện khí hậu, địa lý, cây trồng, giống, gien cây trồng của vùng Tây Nguyên và tiềm năng cho việc bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ

2.2.2. Tiềm năng đất đai vùng Tây Nguyên cho việc bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ

Chương 3. THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ VÙNG TÂY NGUYÊN

3.1. Trong hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ nói

Tây Nguyên đang đứng trước những thời cơ và thách thức vô cùng to lớn cùng với sự hội nhập sâu rộng của đất nước. Như đã biết, hội nhập quốc tế trong thời gian vừa qua mang lại cho Việt Nam những đổi thay với nhiều tín hiệu tích cực, song bên cạnh đó, những vấn đề về hội nhập quốc tế đang ngày càng đòi hỏi Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong quá trình này.

3.2. Công tác bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ là nguồn gen, cây dược liệu, bài thuốc quý quý gắn với tri thức truyền thống.

Là nơi có diện tích rừng tự nhiên bao phủ lớn, khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp với nhiều loài dược liệu quý sinh trưởng và phát triển, từ trước đến nay, rừng Tây Nguyên vẫn được xem là cái "kho" khổng lồ chứa trong đó nguồn tài nguyên cây thuốc phong phú, đa dạng. Theo tài liệu của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam), tiềm năng dược liệu trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên rất dồi dào, với 1.657 loài thực vật (thuộc 197 họ) có giá trị làm thuốc chữa bệnh. Trong đó có nhiều cây dược liệu quý, như kim mao cầu tích (còn gọi là cây xương sống chó, cu li) dùng để trị bệnh gân xương nhức mỏi, đau lưng, đặc biệt, có tác dụng cầm máu rất tốt; thổ phục linh có tác dụng chữa trị bệnh thoái hóa xương khớp, đau thần kinh tọa, giải độc; vàng đắng có thể chế ra thuốc lợi mật, sát trùng, tiêu chảy. Hay cây lan kim tuyến (còn gọi là lan gấm) có tác dụng làm khí huyết lưu thông, tăng cường sức khỏe và chữa các bệnh suy nhược thần kinh, viêm gan mãn tính...; cây bình vôi có thể trị bệnh nhức đầu, đau dạ dày, mất ngủ, sốt nóng...²

3.3. Công tác bảo tồn và phát triển tri thức bản địa

Trong bối cảnh chung của toàn cầu hoá, khu vực hóa, tự do hóa thương mại và đầu tư, quá trình đô thị hoá, sự tăng nhanh về dân số và sự phát triển kinh tế đi liền với những thách thức về môi trường, biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên, tác động to lớn đến các tri thức truyền thống, văn hoá bản địa và tài sản trí tuệ ở Việt Nam nói chung cũng như đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên nói riêng. Tây Nguyên được coi là cái nôi lưu giữ nhiều giá trị truyền thống đặc sắc, với nhiều giá trị được xem như là tài sản trí tuệ của vùng cần được bảo tồn và phát huy.

3.4. Hoạt động của doanh nghiệp trong bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên

Các doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng tại các tỉnh Tây Nguyên. Theo số liệu năm 2017, khu vực Tây Nguyên có 13.349 doanh nghiệp đang hoạt động,

² <http://www.bienphong.com.vn/nguy-co-can-kiet-nguon-duoc-lieu-o-tay-nguyen/>

chiếm tỷ lệ 4,93% trong tổng số các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo tại vùng, tạo việc làm cho 242.188 lao động, chiếm 27,83% tổng số lao động trong các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo tại vùng (xem Bảng 1). Tỷ lệ này còn khá thấp so với các vùng khác, nguyên nhân là nhiều lao động tại các tỉnh Tây Nguyên làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Tính đến năm 2015, ngành Nông, lâm, thủy sản vẫn chiếm tới 44,61% trong tổng cơ cấu kinh tế của các tỉnh Tây Nguyên [MPI, 2017, 19-20].

Với các doanh nghiệp khởi nghiệp, trong quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã tư vấn, hỗ trợ xây dựng, bảo hộ thương hiệu cho một số doanh nghiệp như: Thương hiệu RỪNG HOA BẠCH CÚC cho công ty TNHH Rừng hoa Bạch Cúc tại Lâm Đồng với các sản phẩm rau sạch công nghệ cao' Thương hiệu TRÚC PHỤNG, cho sản phẩm hồ tiêu chế biến sâu và các đặc sản Tây Nguyên khác; Ngoài ra, nhóm nghiên cứu hỗ trợ, tư vấn cho 2 nhãn hiệu dược phẩm đối với các sản phẩm siro ho thảo dược; hạ sốt thảo dược với các thành phần từ các loại thuốc nam thảo dược của Tây Nguyên và Việt Nam tạo ra các sản phẩm chế biến sâu, có giá trị kinh tế cao và sự lan tỏa thị trường lớn.

Hình : Thương hiệu hạ sốt thảo dược được tư vấn xây dựng bởi nhóm nghiên cứu

3.5. Hạn chế và nguyên nhân đối với hoạt động bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên

Nhìn chung, sau khi được cấp giấy chứng nhận về SHTT, các sản phẩm đã tạo được sự chú ý nhất định đối với người tiêu dùng trong và ngoài địa phương. Nhiều sản phẩm đã xây dựng được kênh phân phối rộng khắp và hiệu quả, có mặt tại các siêu thị và chuỗi cung ứng sản phẩm uy tín trên cả nước, một số sản phẩm còn được xuất khẩu sang thị trường các nước trong khu vực và từng bước vươn ra thị trường thế giới .

Chương 4. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ VỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ MỚI

4.1. Bối cảnh hội nhập quốc tế và tác động tới Tây Nguyên

Nước ta đang đứng trước quá trình hội nhập quốc tế hiện nay đang diễn ra sâu rộng, mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Qua hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã vươn lên trở thành một quốc gia ngày càng có vị trí trên trường quốc tế. Việt Nam ngày càng chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Với phương châm ngoại giao linh hoạt, tích cực, hiệu quả Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế lớn, là đối tác tin cậy, chiến lược của nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ.

4.2. Quan điểm, định hướng bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên trong bối cảnh mới

Tây Nguyên là một vùng kinh tế - xã hội với những những đặc thù, đặc trưng rõ rệt tạo nên sắc thái riêng. Vùng Tây Nguyên được xác định có vị trí chiến lược cả về kinh tế - xã hội và cả về tài nguyên – môi trường, cũng như về quốc phòng an ninh của đất nước, nguồn tài nguyên phong phú, có những nét văn hóa phong tục tập quán đặc trưng, những tri thức truyền thống bản địa..., đó là những tài sản trí tuệ quý cần được bảo tồn và phát triển. Để Tây Nguyên phát triển bền vững thì có thể nói phát huy bảo tồn và phát triển những giá trị tài sản trí tuệ riêng có của Tây Nguyên là hết sức cần thiết và được Đảng và Nhà nước quan tâm, ban hành nhiều văn bản pháp lý chỉ đạo, định hướng, hỗ trợ nhằm thúc đẩy bảo tồn và phát triển các tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới. Một số văn bản pháp lý quan trọng thể hiện quan điểm, định hướng bảo tồn, phát triển tài sản trí tuệ đối với khu vực tây nguyên của nhà nước ta:

4.2.1. Quan điểm nâng cao vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ

Xác định rõ tầm quan trọng của khoa học và công nghệ không chỉ ở khu vực Tây Nguyên mà trong cả nước, từ rất sớm, Đảng và Nhà nước ta đã thường

xuyên quan tâm xây dựng tiềm lực phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Hiến pháp năm 2013 đã đưa khoa học và công nghệ từ “giữ vai trò then chốt, là động lực thúc đẩy phát triển đất nước” trong Hiến pháp năm 1992 trở thành “Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của đất nước”. Văn kiện Đại hội XII của Đảng xác định nhiệm vụ phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, làm cho khoa học, công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại,...

4.2.2. Quan điểm gia tăng sự đóng góp của tài sản trí tuệ cho phát triển bền vững của Tây Nguyên;

4.2.3. Quan điểm cải thiện những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của bối cảnh mới tới bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ;

4.2.4. Quan điểm xây dựng một hệ thống đồng bộ nhằm bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ địa phương:

Quan điểm này dựa trên các giải pháp từ nhà nước, chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư tới các doanh nghiệp nhằm bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên;

4.2.5. Quan điểm tăng cường sự kết nối giữa nghiên cứu Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên và công nghệ làm tiền đề cho bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên.

4.3. Đề xuất mô hình bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên qua trường hợp đối với chỉ dẫn địa lý.

Từ các nghiên cứu lý thuyết về mô hình, cùng với đánh giá xem xét hoạt động bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên, Đề tài đề xuất khung *mô hình bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên qua việc xem xét bảo tồn và phát triển các thương hiệu đặc sản địa phương, chỉ dẫn địa lý* như sau:

Một là, mô hình cơ quản quản lý nhà nước (CQQLNN) đóng vai trò trung tâm quản lý.

Hai là, mô hình tổ chức tập thể sản xuất được nhà nước trao quyền và giữ

vai trò làm trung tâm trong mọi hoạt động của quản lý.

Căn cứ trên những phân tích và xem xét về mặt lý luận, thực tiễn trong và ngoài nước. Đặc biệt là thực trạng quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý của Việt Nam nói chung cũng như ở Tây Nguyên, với những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của chúng. Tác giả cũng đã đưa ra đề xuất mô hình quản lý mới với các phương án linh hoạt và phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau trong bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên gắn với chỉ dẫn địa lý và các nhãn hiệu tập thể³:

Phương án 1: Mô hình tổ chức tập thể đóng vai trò trung tâm

❖ *Mô tả mô hình:* chủ thể trung tâm và được giao quyền độc lập là tổ chức tập thể sản xuất kinh doanh và được lập lên qua bầu cử bởi các thành viên hội và hoạt động theo nhiệm kỳ. Hoạt động xây dựng chủ thể và quản lý dựa trên nguyên tắc pháp luật chung của nhà nước, điều lệ, quy chế của hội. Tổ chức tập thể (hội) tiến hành mọi việc quy hoạch, điều phối sản xuất kinh doanh, xây dựng hệ thống nhận diện chung và thiết kế thị trường lo đầu ra cho sản phẩm, quản lý kiểm soát từ sản xuất, đến chế biến và hệ thống nhận diện, chất lượng của chỉ dẫn địa lý.

Phương án 2: Mô hình kết hợp giữa quản lý nội bộ và ngoại vi kiểu mới

❖ *Mô tả mô hình:* mô hình này áp dụng cho các địa phương có chỉ dẫn địa lý đã phát triển và có các kết quả đáng ghi nhận đầu tiên song còn một số hạn chế, cần điều chỉnh và thay thế yếu tố cần thiết tạo động lực cho phát triển chỉ dẫn địa lý tốt và hiệu quả hơn. Mô hình này giao cho dự án nghiên cứu và tư vấn xây dựng và phát triển chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu tập thể của vùng Tây Nguyên ở từng tỉnh.

Phương án 3: Mô hình quản lý sản xuất theo chuỗi giá trị

❖ *Mô tả mô hình:* chính quyền địa phương lựa chọn các doanh nghiệp có tiềm lực hoặc kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý của địa phương. Tập trung lựa chọn hoặc đầu tư tạo ra các doanh nghiệp mạnh, đầu tàu để đủ sức tạo ra các sản

³ Vũ Tuấn Hưng (2015)

phẩm với chất lượng, năng suất qua việc áp dụng khoa học kỹ thuật và gắn kết chặt chẽ từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Từ đó, tạo ảnh hưởng và kéo theo sự phát triển của các nhà sản xuất, các doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất theo giá trị đó. Nhà nước, tỉnh sẽ có các chính sách hỗ trợ tạo điều kiện ban đầu cho sự phát triển của chuỗi này.

4.4. Một số giải pháp bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên

4.4.1. Giải pháp bảo tồn và phát triển tri thức bản địa

4.4.2. Một số giải pháp bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên gắn với phát triển du lịch

Thứ nhất, tiếp tục khuyến khích sáng tạo và tạo ra nền tảng vững chắc nhằm bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ Tây Nguyên cho thể chế quản trị đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của vùng.

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm, bảo tồn nguyên vị, giữ được nguồn gen, nguồn giống tại chỗ đối với các loài cây quý hiếm, đặc biệt là khai thác và sử dụng có hiệu quả

Thứ ba, khai thác và phát triển du lịch gắn với cộng đồng và tri thức bản địa vùng Tây Nguyên.

4.4.3. Gắn bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ vùng Tây Nguyên với phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế tri thức:

4.4.5. Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong bảo tồn và phát triển tài sản trí tuệ, góp phần phát triển nhanh và bền vững

Việc thúc đẩy kinh tế phát triển sẽ không ai khác phải có vai trò của doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh. Doanh nghiệp có vai trò quyết định trực tiếp sự thành công trong phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

4.4.6. Giải pháp rút ra từ kinh nghiệm quốc tế của Pháp và Nhật Bản.

4.4.7. Một số khuyến nghị đối với nhà nước:

KẾT LUẬN

Tây Nguyên không chỉ là vùng đất có tiềm năng phát triển kinh tế mà còn có tầm quan trọng chiến lược về an ninh quốc phòng của Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới hiện nay, tài sản trí tuệ đã và đang trở thành một tài sản hiện hữu và có vai trò rất quan trọng trong sự tồn tại, phát triển. Qua nghiên cứu, tài sản trí tuệ các tỉnh Tây Nguyên cho thấy trong những năm vừa qua đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, nhiều tín hiệu tích cực đã thể hiện, nhận thức và hành động của các địa phương đã cụ thể, thực thi quyền sở hữu trí tuệ đã được triển khai cơ bản. Song bên cạnh đó, so sánh với tiềm năng của vùng đất Tây Nguyên với nhiều giá trị bản địa đặc thù gắn với tri thức truyền thống đa dạng và nhiều sức hấp dẫn thì hoạt động này còn chưa thực sự có hiệu quả tương xứng. Các giải pháp được đưa ra trên cơ sở xem xét các khía cạnh khác nhau trong cả hai phía chủ thể quản lý và đối tượng quản lý. Hy vọng, với việc thực hiện tổng thể các phương án khác nhau cho cả hai phía chủ thể trong hoạt động quản lý tài sản trí tuệ này sẽ góp phần quan trọng vào việc thực hiện tốt, hiệu quả, bền vững sự phát triển tài sản trí tuệ địa vùng Tây Nguyên. Từ đó, là tiền đề đưa Tây Nguyên phát triển nhanh, bền vững và xứng tầm với những tiềm năng của vùng đất và người gắn với nhiều giá trị văn hóa đặc sắc nơi đây.